



**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

*Người hướng dẫn khoa học :*

**1. PGS. PTS. Hoàng Ngọc Hòa**

**2. PTS. Vũ Xuân Sinh**

*Phản biện 1 : GS PTS Cao Cù Bội*

*Phản biện 2 : GS. PTS Lương Trọng Yên*

*Phản biện 3 : PGS. PTS Lê Đình Hòp*

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vào hồi *14* giờ *30* ngày *27* tháng *12* năm 1996

**Có thể tìm hiểu luận án tại**

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) là một nội dung trọng yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) ở nước ta. Vì thế, Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Hà Nội lần thứ XII đều chỉ rõ điều đó. Là Thủ đô, Hà Nội phải tận dụng vị thế đặc thù của mình, đẩy nhanh chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH làm cho kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững; phát huy vai trò đầu tàu đối với vùng đồng bằng Bắc Bộ và cả nước.

Tuy nhiên, để thực hiện được điều đó cần phải có nhiều nguồn lực tác động, trong đó việc phát huy mạnh mẽ vai trò của tín dụng ngân hàng (TDNH) thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH đóng vai trò quan trọng.

Mặt khác, TDNH có huy động được nhiều vốn và đầu tư theo định hướng thúc đẩy chuyển dịch CCKT đạt hiệu quả cao thì hoạt động TDNH mới có điều kiện phát triển và hạn chế được rủi ro. Chính vì vậy mà đề tài “Tín dụng ngân hàng trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Hà Nội” đã được chọn để viết luận án.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Về vai trò của tín dụng nói chung và TDNH nói riêng trên thế giới cũng như trong nước đã có nhiều người nghiên cứu, nhiều công trình khoa học, sách, báo đã được công bố. Liên quan đến đề tài này đã có những luận án nghiên cứu một số mặt hoạt động của TDNH như : Luận án của PTS Cao Sĩ Kiêm, PTS Hoàng Ngọc Hòa, PTS Trịnh Công Thắng, PTS Nguyễn Văn Bính, v.v... Trong các công trình đó đã trình bày, phân tích sáng rõ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động của TDNH trong nền kinh tế thị trường nói chung và trong bước chuyển đổi nền kinh tế ở nước ta nói riêng. Nghiên cứu về CNH, HĐH và chuyển dịch cơ cấu kinh tế có các công trình của Viện Kinh tế thế giới, của GS-TS Ngô Đình Giao, của PTS Huỳnh Xuân Hoàng v.v... Trong đó, nhiều khía cạnh chuyên sâu đã được trình bày, luận giải. Tuy vậy, cả về TDNH và công nghiệp hóa đều chưa có luận án, công trình nào đã được công bố trùng tên với đề tài luận án này. Đây là công trình đầu tiên tập trung nghiên cứu vấn đề TDNH với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở Hà Nội.

### 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

Luận án có mục đích nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, đề xuất những phương hướng, giải pháp khả thi và những điều kiện đồng bộ nhằm phát huy tốt vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH. Để đạt mục đích trên, luận án có nhiệm vụ :

- *Thứ nhất*, hệ thống hóa những vấn đề lý luận có ý nghĩa quan trọng về vai trò tác động của tín dụng ngân hàng trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế quốc dân nói chung, CCKT của Hà Nội nói riêng theo hướng CNH, HĐH và chỉ rõ nhu cầu bức bách về vốn để chuyển dịch CCKT.

- *Thứ hai*, phân tích tác động của TDNH với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Hà Nội trong mấy năm qua và những yêu cầu mới đặt ra cần giải quyết.

- *Thứ ba*, nêu lên những quan điểm, đề xuất những phương hướng xác thực, những giải pháp khả thi trên góc độ TDNH nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH.HĐH.

### 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án.

Cơ cấu kinh tế của một quốc gia là một hệ thống đa cơ cấu hợp thành, được phân chia thành nhiều loại theo những giác độ khác nhau, trong đó chúng tôi cho rằng CCKT ngành là quan trọng nhất, vì CCKT ngành là sự biểu hiện chính xác trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, phân công lao động xã hội, trình độ khoa học và công nghệ của đất nước. Mỗi ngành là một tổng thể các đơn vị kinh tế "tế bào" gắn bó hữu cơ với nhau trong các mối quan hệ kinh tế - kĩ thuật trong một chính thể thống nhất là nền kinh tế quốc dân.

Do những hạn chế khách quan và chủ quan, trong khuôn khổ một luận án PTS khoa học kinh tế, luận án chủ yếu tập trung nghiên cứu vai trò và cơ chế tác động của TDNH trong thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành của Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất những quan điểm, phương hướng, giải pháp dưới giác độ cơ chế quản lý, nhằm phát huy tốt vai trò tác động của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội trong những năm tới.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án đã sử dụng các phương pháp sau :

- Phương pháp luận duy vật Mác xít kết hợp với phương pháp trừu tượng hóa khoa học làm phương pháp nghiên cứu cơ bản.

- Phương pháp phân tích lý luận, thực tiễn, kinh nghiệm, gắn với phương pháp tổng hợp khái quát và phương pháp thống kê, đối chiếu, so sánh để luận chứng, nhằm đề xuất được những phương hướng xác thực và những giải pháp khả thi .

## **6. Những đóng góp mới về khoa học của luận án**

- Luận án đã thể hiện một cách tiếp cận mới để khái quát, hệ thống hóa những căn cứ lý luận, thực tiễn về vai trò tác động của TDNH trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế quốc dân nói chung, CCKT của Hà Nội nói riêng theo hướng CNH, HĐH.

- Vạch rõ những yêu cầu cơ bản, bức bách, tiềm năng hiện thực và nhu cầu về vốn cho việc chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.

- Nêu ra được những quan điểm, phương hướng xác thực và đề xuất được những giải pháp có tính khả thi cao với những biện pháp cụ thể nhằm phát huy tối vai trò của TDNH thúc đẩy CCKT của Hà Nội chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng CNH, HĐH. Trong đó, luận án đã tính toán mức độ và chỉ rõ phạm vi tham gia của TDNH trong đầu tư vốn cho chuyển dịch CCKT của Hà Nội; Luận giải và đề xuất phương pháp chỉ số hóa trong huy động vốn để cho vay theo dự án, chỉ ra tỷ lệ hợp lý trong sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn v.v ...

## **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

Với những đóng góp trên đây, luận án là một tài liệu tham khảo bổ ích cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng thuộc chuyên ngành kinh tế và các cán bộ chỉ đạo các hoạt động thuộc lĩnh vực này.

## **8. Kết cấu của luận án :**

Luận án có 162 trang; Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo gồm 03 chương, 06 tiết, 22 bảng, 02 biểu đồ, 01 đồ thị.

## Chương 1

### VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TRONG VIỆC THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CNH, HĐH Ở NƯỚC TA

#### 1.1. Xu hướng chuyển dịch CCKT trong quá trình CNH, HĐH và nhu cầu về vốn

##### 1.1.1. Mục tiêu và những xu hướng khách quan của việc chuyển dịch CCKT trong quá trình CNH, HĐH

Theo cách tiếp cận mới, luận án đã trình bày quan niệm phổ biến của thế giới về CNH, HĐH: quan niệm và nội dung cơ bản của CNH, HĐH trong điều kiện của nước ta hiện nay. Các quan niệm và nội dung đó gắn liền với phát triển và chuyển dịch CCKT đạt tới mục tiêu : Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Hướng theo mục tiêu đó, quá trình chuyển dịch CCKT ở nước ta phải kế thừa những thành tựu của CCKT hiện có, thay thế những mặt lạc hậu, bất hợp lý và kém hiệu quả của CCKT đó, xác lập CCKT mới đạt hiệu quả kinh tế - xã hội (KT-XH) tối ưu. Luận án đã đi sâu phân tích và khái quát những xu hướng khách quan chuyển dịch CCKT trong quá trình CNH qua thực tiễn lịch sử CNH ở một số nước công nghiệp Âu, Mỹ; phân tích những đặc trưng mới về chuyển dịch CCKT trong quá trình CNH của Nhật Bản, NIEs, và đã rút ra đặc trưng cơ bản trong chuyển dịch CCKT ở các nước này là dựa trên cơ sở đẩy mạnh phát triển khoa học-công nghệ và theo cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

Luận án cũng đã đi sâu nghiên cứu và phân tích tình thế, động thái, chiến lược, bản chất của sự chuyển dịch CCKT, để phản ánh một cách khách quan thực trạng CCKT ở nước ta qua 10 năm đổi mới ( Xem bảng sau ):

Năm	1986	1990	1995
Tổng GDP	100.0	100.0	100.0
Nông lâm nghiệp thủy sản	38.1	38.7	29,0
Công nghiệp - xây dựng	28,9	22,7	29,1
Dịch vụ	33,0	38,6	41,9

*Nguồn : Tạp chí Kinh tế và dự báo số 3/1996*

Sau khi phân tích chiều hướng tích cực và những hạn chế cần khắc phục, luận án khẳng định : Thực trạng CCKT như đã nêu trên đang là nhân tố cơ bản kìm hãm sự phát triển KT và tiến bộ XH của đất nước ta. Do đó, chuyển dịch CCKT trên cơ sở phát triển khoa học - công nghệ là một đòi hỏi khách quan, bức xúc của CNH, HĐH ở nước ta.

Trên cơ sở những luận cứ đã được xác lập và phương hướng chuyển dịch CCKT ở nước ta mà Báo cáo Chính trị tại Đại hội VIII của Đảng đã vạch ra; dự kiến tốc độ tăng trưởng của từng nhóm ngành, tốc độ tăng giá từng nhóm sản phẩm, cơ cấu theo nhóm ngành KT thời kỳ 1996 - 2000 được dự báo như sau :

Ngành	1996	1997	1998	1999	2000
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông lâm, thủy sản	27,5	26,4	25,3	24,2	23,1
Công nghiệp - XD	31	31,8	32,6	33,4	34,2
Dịch vụ	41,5	41,8	42,1	42,4	42,7

*Nguồn : Tạp chí Kinh tế và dự báo số 3/1996.*

### **1.1.2. Những yếu tố tác động đến chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH**

Trong mục này luận án đã phân tích tác động, ảnh hưởng của tất cả các nhân tố có liên quan đến chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Đặc biệt là luận án đã tập trung thỏa đáng đi sâu phân tích, luận chứng về trình độ phát triển của khoa học-công nghệ, cơ chế quản lý và nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ có ảnh hưởng như thế nào đối với chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Tiếp đó, nhân tố vốn đã được phân tích dưới góc độ là nhân tố đòn bẩy thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH ra sao, v.v...

Luận án đã khẳng định rằng : tất cả các yếu tố đó đều có quan hệ mật thiết với nhau trong tác động thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Những hiệu quả của sự tác động này đều phụ thuộc vào chất lượng quản lý, điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Do vậy, suy đến cùng, nhân tố bao quát có ý nghĩa quyết định, xuyên suốt trong quá trình chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH là phát huy vai trò và tính năng động chủ quan của Nhà nước.

### ***1.1.3. Nhu cầu về vốn cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH***

Huy động và sử dụng vốn một cách có hiệu quả luôn là bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển KT - XH của tất cả các quốc gia trên thế giới. Vốn cho nền KT như mau đổi với cơ thể con người. Vốn là điều kiện tiên quyết cho việc đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ, tạo cơ sở nền tảng thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Trong đó, vốn tiền tệ là nguồn vốn bao quát nhất và linh hoạt nhất.

Tổng nhu cầu vốn cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH là nhu cầu vốn cơ bản nhất của tăng trưởng kinh tế ở nước ta hiện nay. Phương pháp tính nhu cầu vốn mà thế giới hiện đại đang áp dụng là dựa vào mối quan hệ giữa gia tăng vốn đầu tư với tăng trưởng KT. Người ta đã lượng hóa mối quan hệ này thông qua chỉ số ICOR. Luận án đã sử dụng cách này để tính toán và dự báo nhu cầu vốn cho chuyển dịch CCKT ở nước ta thời kỳ 1996 - 2000 vào khoảng +1 - +2 tỷ USD. Luận án đã phân tích luận giải và đi tới khẳng định một trong những kênh dẫn vốn quan trọng nhất để đáp ứng nhu cầu vốn cho chuyển dịch CCKT là TDNH.

## **1.2. Tác động của TDNH đối với chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH và kinh nghiệm của một số NIEs Châu Á**

### ***1.2.1. Tín dụng ngân hàng - điều kiện phát triển và cơ chế tác động của nó đối với chuyển dịch CCKT***

- TDNH đã có một lịch sử ra đời và phát triển lâu dài. Các Mác, F. Ăngghen, V.L. Lênin và nhiều nhà KT nổi tiếng trên thế giới đã dày công nghiên cứu về nó. Với thái độ khách quan khoa học, kết hợp lôgic với lịch sử, tác giả luận án đã đi sâu nghiên cứu, quán triệt sâu sắc, kế thừa những quan điểm lý luận của các tác gia kinh điển và tiếp thu những thành tựu tiên tiến của KT học hiện đại đã đạt được trong lĩnh vực này. Trên cơ sở đó, luận án tiếp cận sâu vào đối tượng nghiên cứu để phân tích, đưa ra sự luận giải xác đáng về TDNH và vai trò của nó đối với chuyển dịch CCKT.

- Luận án đã nhận định rằng: Được hình thành trên cơ sở TD thương mại và nghề buôn tiền, TDNH tồn tại, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển của kinh tế hàng hóa, cơ chế KT, mô hình quản lý KT, môi trường pháp lý, môi trường KT - XH ... Đồng thời theo



dà chuyển biến của nền KT thị trường và sự chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. các hình thức của TDNH ngày càng phong phú và hiện đại, vai trò của TDNH đối với chuyển dịch CCKT ngày một tăng lên.

Luận án đã đi sâu phân tích mối quan hệ kinh tế tất yếu nội tại giữa tác động của TDNH với chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên các khía cạnh chủ yếu sau :

*Thứ nhất*, TDNH tác động vào sự hình thành và phát triển xu hướng chuyển dịch cơ cấu nền KT quốc dân thông qua việc đáp ứng nhu cầu vốn cho sự phát triển ngày càng cao của nền KT hàng hóa, thúc đẩy sự tăng trưởng KT.

*Thứ hai*, TDNH tác động vào quá trình chuyển dịch CC KT thông qua góp phần có ý nghĩa quyết định vào việc thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ để chuyển CCKT cũ bất hợp lý sang CCKT mới hợp lý theo hướng CNH, HĐH.

*Thứ ba*, với cơ chế hoạt động và những công cụ của nó, TDNH thực sự là kênh vốn đảm bảo tối nhất yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế của việc sử dụng vốn cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH.

*Thứ tư*, TDNH tác động tới quá trình chuyển dịch CCKT thông qua việc góp phần tích cực hình thành đồng bộ hệ thống thị trường các yếu tố " đầu vào " và " đầu ra ", thúc đẩy xác lập CCKT mới hợp lí theo hướng tiến lên hiện đại.

*Thứ năm*, cơ cấu nền kinh tế quốc dân dưới tác động thúc đẩy của TDNH sẽ chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng CNH, HĐH làm cho nhịp độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế đạt được ngày càng cao, bền vững. Nhờ đó, TDNH có thêm nhiều cơ sở kinh tế - xã hội để phát triển cả về bề rộng và chiều sâu.

### ***1.2.2. Tác động của cơ chế quản lý và tổ chức bộ máy hoạt động TDNH đối với chuyển dịch CCKT***

Trong mục này, luận án phân tích ảnh hưởng của cơ chế quản lý tới việc phát huy vai trò của TDNH đối với chuyển dịch CCKT ( theo từng cấp chủ thể quản lý - đối tượng quản lý ).

*1.2.2.1 Quản lý của NHNN (với tư cách là NHTW ) đối với các lĩnh vực tiền tệ - tín dụng và hoạt động NH nói chung*

Quản lý của NHTW đối với lĩnh vực tiền tệ - tín dụng và hoạt động NH nói chung dưới giác độ thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH , HĐH chủ yếu là thực thi một cơ chế kích thích, tích tụ, tập trung vốn, huy động và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.

- Thông qua cơ chế sử dụng hệ thống các công cụ của chính sách tiền tệ như : dự trữ bắt buộc, lãi suất chiết khấu, hạn mức tín dụng, nghiệp vụ thị trường mở...một cách phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể trong từng thời kỳ để NHTW tác động vào hoạt động TDNH, nhằm thực hiện mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia và thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH , HĐH.

- Thông qua các cơ chế quản lý về tiền lương, về nguồn nhân lực, về đổi mới công nghệ NH, về thanh tra...NHNN gián tiếp tác động vào việc phát huy vai trò của TDNH trong việc thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH , HĐH .

*1.2.2.2 Quản lý của ngân hàng Nhà nước (NHNN) đối với hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại (NHTM) và các tổ chức trung gian tài chính khác*

- NHNN là cơ quan chủ trì trong việc hoạch định chính sách tiền tệ - tín dụng quốc gia, ban hành những quy định cơ bản về hoạt động tín dụng như quy chế về huy động vốn, quy chế cho vay ngắn hạn, quy chế cho vay dài hạn, quy chế về hoạt động TD thuê mua, quy chế về nghiệp vụ bảo lãnh...Nếu chính sách tiền tệ - tín dụng và những quy chế đó mang tính khoa học và sát hợp với thực tiễn thì tính khả thi cũng như tác động của TDNH trong chuyển dịch CCKT sẽ được phát huy mạnh mẽ . Ngược lại nó sẽ kìm hãm hoặc trở thành " lực cản " kéo chân các NHTM và các trung gian tài chính khác trong việc huy động, cho vay vốn đối với nền kinh tế và dân cư.

- Cơ chế về lãi suất tín dụng của NHNN là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất tới vai trò tác động của TDNH đối với chuyển dịch CCKT. Nếu cơ chế lãi suất và sự điều khiển của NHNN phù hợp với quy luật cung, cầu về vốn trên thị trường thì cơ chế này sẽ kích thích việc huy động và cho vay vốn của NHTM, cũng như nhu cầu và việc sử dụng vốn vay của các tổ chức KT. Ngược lại, nó sẽ tạo nên sức ì của tín dụng và của nền kinh tế, nhất là trong điều kiện nước ta hiện nay, tiền vay NH đang là nguồn vốn chủ yếu để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp.

### *1.2.2.3 Cơ chế tín dụng của NHTM đối với các tổ chức kinh tế và dân cư*

Cơ chế tín dụng của NHTM có tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của các tổ chức kinh tế và dân cư, qua đó tác động tới quá trình chuyển dịch CCKT.

Trong mục này, luận án đã trình bày một số giải pháp quan trọng trong quản lý hoạt động kinh doanh của NHTM nhằm đảm bảo an toàn vốn và một số cơ chế chính sách của NHTM có ảnh hưởng nhiều đến việc phát huy vai trò của TDNH trong việc thúc đẩy chuyển dịch CCKT như: Chính sách và cơ chế đầu tư, cơ chế huy động vốn, cơ chế lãi suất, cơ chế quản lý chi nhánh, quy trình tín dụng.v.v...

Luận án cũng đã trình bày kinh nghiệm của một số nước trong việc sử dụng đòn bẩy tín dụng thúc đẩy quá trình chuyển dịch CCKT và khẳng định: chúng ta không thể áp dụng nguyên xi những kinh nghiệm đó vì cái cụ thể thường là cái riêng, phù hợp với từng nước trong từng thời kỳ. Do vậy, phương pháp luận khoa học ở đây là tham khảo, chọn lọc những kinh nghiệm có tính chất chung trên cơ sở những điều kiện tương đồng mà vận dụng một cách phù hợp với điều kiện, đặc điểm của Việt Nam, của Hà Nội.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA TDNH TRONG CHUYỂN DỊCH CCKT TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI - NHỮNG MÂU THUẬN VÀ YÊU CẦU MỚI ĐẶT RA**

**2.1. Tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Hà Nội 10 năm qua và tác động của tín dụng ngân hàng tới quá trình đó :**

#### **2.1.1. Đặc điểm KT-XH và tiềm năng phát triển KT của Thủ đô Hà Nội**

Sau khi phân tích vị trí đặc thù và tiềm năng phát triển KT của Hà Nội - Trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước, luận án nêu lên những nét cơ bản về thành tựu của Hà Nội đã đạt được trong 10 năm đổi mới vừa qua và những yếu kém tồn tại đang gây trở ngại cho chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH. Đây chính là cơ sở để phân tích đúng thực trạng CCKT của Hà Nội và dự báo xu hướng chuyển dịch CCKT của Hà Nội trong thời gian tới.

**2.1.2. Tình hình chuyển dịch CCKT trên địa bàn Hà Nội trong những năm đổi mới và vai trò của TDNH.**

**2.1.2.1 Tình hình chuyển dịch CCKT của Hà nội ( 1986 - 1995 )**

( Cơ cấu GDP từng ngành trong tổng GDP - % )

	1986	1990	1991	1992	1993	1994	1995	Tốc độ tăng bq năm	
								86-90	91-95
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100	7,1	11,9
Công nghiệp	28	29,5	26,2	26,0	30,1	31,6	33,1	2,4	14,3
Nông nghiệp	11	9,0	8,1	7,5	6,8	5,6	5,3	3,8	3,9
Dịch vụ	61	61,5	65,7	66,5	63,1	62,8	61,6	-	11,8

*Nguồn: Niên giám thống kê Hà nội 1991-1995*

Qua phân tích và những dẫn liệu trên . luận án đã nhận định :

- CCKT của Hà Nội bước đầu chuyển biến tích cực, đúng hướng và có sự thay đổi về chất, giảm tỷ trọng nông nghiệp (NN), tăng tỷ trọng công nghiệp (CN) trong GDP.

- Quá trình chuyển dịch CCKT đã góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng của các ngành, riêng chỉ có nông nghiệp là tăng trưởng tương đối chậm.

- Tuy vậy, thực trạng cơ cấu kinh tế của Hà Nội hiện nay còn nhiều hạn chế và bất hợp lý so với tiềm năng và nhu cầu. Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình hình đó là do chưa phát huy được mạnh mẽ vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội.

**2.1.2.2 Thực trạng hoạt động TDNH và vai trò của nó trong thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH**

Luận án đã khái quát một số nét về hoạt động TDNH qua 10 năm đổi mới trên địa bàn Hà Nội với những bước tiến đáng kể, lớn mạnh không ngừng và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế Thủ đô. ( Xem bảng trang 11 )

Luận án đã tập trung đi sâu phân tích tác động của TDNH vào sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu của nền KT quốc dân trên địa bàn Hà Nội. Thông qua vai trò đòn bẩy của TDNH trong việc thực thi chính sách tiền tệ - tín dụng, nhất là việc cho vay trung và dài hạn đối với các doanh nghiệp thúc đẩy chuyển dịch CCKT bất hợp lý, kém hiệu quả sang CCKT mới đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao theo hướng CNH, HĐH. Biểu hiện cơ bản là :

## Hoạt động tín dụng của các NH trên địa bàn Hà Nội 1986-1995

(Số dư thời điểm 31/12 hàng năm)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995
<b>A. NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG</b>										
1. Tiền gửi các tổ chức KT	5,4	20,6	148,5	489,6	772,9	1.191	1.681	2.897	5.671	10577
2. Tiền gửi tiết kiệm	5,2	13,0	131,9	273,9	310,0	654	926	1.739	3.448	5.724
- Không kỳ hạn	0,2	7,6	16,6	215,3	462,9	537	755	996	1.363	4.439
- Có kỳ hạn	-	-	10,6	52,8	31,2	34	59	74	228	355
3. Kỳ phiếu, Trái phiếu	-	-	6,0	162,5	431,7	503	696	922	1.375	4.084
* Tỷ trọng TG dân cư (TK, kỳ phiếu, trái phiếu trong tổng NV) ( % )	3,8	37	11,2	44	59,9	45	45	40	39,2	45,9
<b>B. CHO VAY</b>										
1. Phân theo loại cho vay	12,7	52,2	181,3	341,3	573,7	825,0	943,0	2.383	4.785	8.137
- Cho vay ngắn hạn	12,3	51,5	176,0	334,2	554,3	659,5	624,0	1.733	3.386	6.073
- Cho vay dài hạn	0,4	0,7	5,3	7,1	19,4	165,5	319,0	650	1.372	2.064
* Tỷ trọng CV trung, dài hạn trong tổng DN ( % )	3,3	1,4	2,9	2,1	3,4	20	33,8	27,3	28,8	25,4
2. Phân theo thành phần KF										
- Quốc doanh	12,4	51,2	172,6	287,6	526,4	788,7	891,0	1.899	3.117	4.760
- Quốc gia	0,3	1,0	8,7	53,7	47,3	36,3	52,0	484	1.641	3.377
* Tỷ trọng dư nợ NQD trong tổng số ( % )	3	2	4,8	15,7	8,2	4,4	5,5	20,3	34,5	41,5
3. Phân theo chất lượng DN										
- Trong hạn	12,2	50,5	165,4	309,7	547,2	745,5	863,3	2.327	4.704	8.003
- Quá hạn	0,5	1,7	15,9	31,6	26,5	79,5	79,7	56	54	134
* Tỷ trọng dư nợ quá hạn trong tổng số ( % )	4	3,4	8,8	9,2	4,6	9,6	8,5	2,4	1,2	1,6

Nguồn : Báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước thành phố Hà Nội.

- Khối lượng TD trên địa bàn Hà Nội liên tục tăng mạnh, phục vụ đắc lực cho việc thúc đẩy nền KT hàng hóa phát triển và chuyển hoạt động SXKD sang cơ chế thị trường. Nguồn vốn huy động tăng với tốc độ năm sau gấp nhiều lần năm trước, cung ứng đủ nhu cầu vốn ngắn hạn cho các đơn vị KT trên địa bàn và điều chuyển hỗ trợ cho các địa phương khác.

- Thông qua huy động và cho vay, TDNH đã góp phần thực hiện các mục tiêu nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X, XI, qua đó TDNH trên địa bàn Hà Nội đã thể hiện tính đặc thù của mình trong thúc đẩy chuyển dịch CCKT so với các địa phương khác. Chẳng hạn, với tư cách là công cụ đòn bẩy, TDNH đã góp phần tích cực vào chương trình thí điểm chuyển đổi hạch toán kinh doanh, bảo đảm quyền tự chủ SXKD ở 7 xí nghiệp do Thành phố chỉ đạo; góp phần thực hiện ba chương trình mục tiêu lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu ( thời kỳ 86 - 90 ), thúc đẩy chuyển dịch CCKT cũ sang CCKT mới : CN - DV - NN ở Thủ đô ( thời kỳ 91 - 95 ).

TDNH đã chú trọng đầu tư phát triển mạnh các ngành CN, tác động chuyển dịch CCKT trên địa bàn Hà Nội theo hướng tỷ trọng CN trong tổng GDP của thành phố ngày một tăng lên. (Khối lượng TD đầu tư vào ngành công nghiệp chỉ thấp hơn Thành phố Hồ Chí Minh ).

#### Cơ cấu đầu tư TDNH theo ngành KT thời kỳ 1986 - 1995

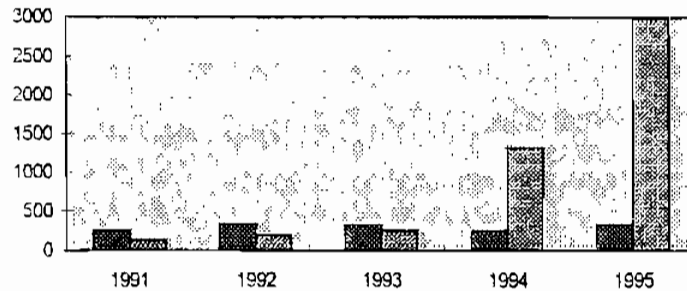
Đơn vị: Tỷ đồng

Nhóm ngành	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Tổng dư nợ cho vay	12,7	52,2	181,3	341,3	573,7	825,0	943,0	2.383	4.758	8.137
1. Công nghiệp	5,9	35,3	113,0	144,0	142,0	429,5	637,6	1.710	2.859	5.372
Tỷ trọng trong tổng DN (%)	47	67,6	62,3	42,2	24,8	52	67,6	71,4	60	66
2. Nông nghiệp	0,7	5,5	12,1	14,7	15,2	61,2	59,5	75,3	198	278
Tỷ trọng trong tổng DN (%)	5,5	10,6	6,7	4,3	2,6	7,5	6,4	3,2	4,2	3,4
3. Dịch vụ	6,1	11,4	56,2	182,6	366,5	334,3	245,9	606,7	1.701	2.487
Tỷ trọng trong tổng DN (%)	47,5	21,8	31	53,5	72,6	40,5	26	25,5	35,8	30,6

Nguồn: Báo cáo thống kê của NHNN Thành phố Hà Nội

- Doanh số và dư nợ cho vay trung, dài hạn của ngân hàng tăng rất mạnh trong những năm gần đây. Doanh số cho vay lớn gấp nhiều lần doanh số đầu tư XDCB của Nhà nước vào khu vực SX vật chất. Tuy nhiên, khối lượng đó vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho đổi mới thiết bị, công nghệ của các đơn vị kinh tế trên địa bàn (Xem biểu đồ). Tiếp đó, luận án đã nêu ra mức độ rủi ro trong vay trung, dài hạn của một số NHTM.

**Doanh số cho vay trung, dài hạn của NH và đầu tư XDCB của Nhà nước vào khu vực sản xuất vật chất trên địa bàn Hà Nội thời kỳ 1991 - 1995 . ĐV: tỷ đồng**



- Doanh số đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước vào khu vực SXVC
- Doanh số cho vay trung, dài hạn của Ngân hàng

*Nguồn : Niên giám thống kê Hà Nội ( 1991-1995) và báo cáo thống kê của NHNN Hà Nội*

**2.1.3. Đánh giá ảnh hưởng của cơ chế KT và cơ chế quản lý trong việc phát huy vai trò của TDNH đối với chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.**

Sau khi phân tích, luận án đã khẳng định :

- Cơ chế KT có ảnh hưởng quyết định đến vai trò của TDNH đối với nền kinh tế hàng hóa nói chung và chuyển dịch CCKT trên địa bàn Hà Nội nói riêng .

- Mô hình và cơ chế quản lý kinh tế ngành NH được chuyển đổi ( Hà Nội là một trong 8 địa phương làm thí điểm ) đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động TDNH và bước đầu phát huy vai trò của nó đối với chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn Hà Nội.

- Cơ chế quản lý của NHNN đối với các NHTM được chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu với những chỉ tiêu pháp lệnh và mệnh lệnh hành chính sang sử dụng những công cụ kinh tế đòn bẩy đã kích thích thúc đẩy các NHTM huy động và cho vay vốn ngày càng tăng nhanh. Song còn có những điểm hạn chế việc phát huy vai trò của TDNH đối với chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Chẳng hạn như qui định lãi suất cho vay trung, dài hạn thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn nên các NHTM không tích cực tăng khối lượng TD trung, dài hạn.

- Quy chế nghiệp vụ và cơ chế quản lý của NHTM tuy đã được sửa đổi cho phù hợp hơn với cơ chế kinh tế mới, nhưng vẫn còn lệ thuộc nhiều vào cơ chế quản lý của NHNN, nên phần nào đã gây trở ngại đối với việc huy động và cho vay, cung ứng vốn cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn Hà Nội.

**2.2. Những mâu thuẫn và những yêu cầu mới đang đặt ra trong việc phát huy vai trò của TDNH đối với chuyển dịch CCKT trên địa bàn Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.**

**2.2.1 Mục tiêu, xu hướng chuyển dịch CCKT trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới và những mâu thuẫn cần khắc phục.**

Lựa chọn khâu đột phá : Đó là các ngành công nghiệp kỹ thuật - công nghệ cao phục vụ cho phát triển công nghiệp chế biến những sản phẩm xuất khẩu; những khu công nghiệp công nghệ cao chế tạo và gia công lắp ráp hàng xuất khẩu; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật để phát triển du lịch và các trung tâm thương mại; Trong NN phát triển SX rau, quả sạch, chất lượng cao và cây cảnh đáp ứng nhu cầu của Thủ đô và khách du lịch.

Để tạo được các khâu đột phá cần giành khoảng 30 - 50% vốn đầu tư của thành phố.

Hiện nay, tính theo GDP từng ngành trong tổng GDP thì CCKT của Hà Nội là DV - CN - NN. Trong quá trình chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH, CCKT của Hà Nội sẽ thay đổi quan hệ nội bộ từng ngành và các trọng điểm phát triển. Trên cơ sở định hướng và xác định các khâu đột phá nhằm khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của Hà nội như đã nêu trên, có thể dự báo khả năng phát triển và CCKT của Hà Nội từ 1996 đến năm 2010 theo hai phương án, phương án 1: Nhịp độ tăng trưởng của GDP đạt khoảng 15%/năm, phương án 2: Nhịp độ tăng trưởng GDP khoảng 16%/năm. Cụ thể khả năng phát triển theo hai phương án như sau :

	Cơ cấu kinh tế					Nhịp độ phát triển b/q nam(%)			
	1995	2000		2010		1996 - 2000		2001-2010	
		I	II	I	II	I	II	I	II
Tổng GDP (tỷ đ)	14.812	24.919	26.247	106.898	110.695	15,12	16,0	15,68	17,0
Tỷ trọng từng ngành trong tổng GDP (%)									
Công nghiệp	33,1	40	43	47,0	47,0	19,6	22,0	17,5	17,7
Nông nghiệp	5,3	42,88	2,5	0,95	1,00	3,00	4,5	3,50	4,8
Dịch vụ	61,6	57,1	54,5	52,05	52,00	13,21	13,2	14,6	16,55



Xét về nhiều mặt, phương án 1 được coi là chắc chắn và được chọn cho giai đoạn 1996 - 2000. Hà Nội cần có bước đi thích hợp để đạt tới một CCKT hợp lý như vậy mới đảm bảo thực hiện mục tiêu tăng trưởng KT và cùng thành phố Hồ Chí Minh làm đầu tàu đưa CCKT nước ta đạt mức dự kiến nêu ở chương 1.

Tiếp đó, luận án đã trình bày phương hướng và dự báo tốc độ tăng trưởng KT, chuyển dịch CCKT ngành, nội bộ từng ngành và một số loại CCKT khác như CCKT vùng, cơ cấu các thành phần KT đến năm 2010.

Luận án cũng đã nhấn mạnh TDNH cần chủ động góp phần thích đáng đầu tư vào việc cải tạo, xây dựng và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng; tập trung vốn cho khâu đột phá v.v...

***2.2.2. Những mâu thuẫn còn tồn tại, những yêu cầu mới đang đặt ra cho hoạt động TDNH cần giải quyết để thúc đẩy chuyển dịch CCKT trên địa bàn Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.***

- Từ sự phân tích, luận giải về thực trạng những khó khăn, thách thức, luận án đã chỉ ra những mâu thuẫn còn tồn tại cần khắc phục, những yêu cầu mới đặt ra cho hoạt động TDNH cần đáp ứng để đạt được mục tiêu đẩy nhanh chuyển dịch CCKT và nhịp độ tăng trưởng đã đề ra, đưa Hà Nội phát triển nhanh, mạnh trên con đường CNH, HĐH xứng đáng với tầm vóc của Thủ đô. Trong đó, luận án đã nhấn mạnh vào một số điểm :

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật nói chung và cơ sở hạ tầng nói riêng còn nhiều yếu kém, đặc biệt là tình trạng rất lạc hậu của máy móc thiết bị, công nghệ ( nhìn chung còn thua kém thành phố Hồ Chí Minh ), do đó chưa đủ sức làm động lực thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH.

+ Lao động của Hà Nội nói chung và trong các doanh nghiệp nói riêng đang dư thừa nhưng lại thiếu công nhân kỹ thuật bậc cao, kỹ sư và nhà quản lý giỏi. Điều đó hạn chế việc áp dụng kỹ thuật - công nghệ mới vào SXKD và đẩy mạnh CNH, HĐH.

+ Môi trường kinh tế và pháp lý; cơ chế quản lý kinh tế còn thiếu đồng bộ, gây nhiều trở ngại cho hoạt động kinh tế.

Từ đó, luận án đã chỉ rõ những yêu cầu mới đang đặt ra cho việc đổi mới hoạt động TDNH nhằm đáp ứng những yêu cầu đó, nhất là nhu cầu về vốn cho chuyển dịch CCKT theo

hướng CNH, HĐH. Luận án cũng đã bàn đến dự tính cân đối vốn đầu tư của UBND Thành phố Hà Nội ( xem bảng : Dự tính cân đối vốn đầu tư của Hà Nội ).

- *Những yêu cầu mới đặt ra với tín dụng NH :*

+ Để góp phần thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng KT nhanh và lâu bền thì phải thực thi đồng bộ các biện pháp để kiềm chế lạm phát ở mức hợp lý, phấn đấu hạ xuống mức một chữ số và giữ ổn định giá trị đồng tiền; phát triển hệ thống thị trường tài chính - tiền tệ nhằm thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế.

+ Cần tập trung nỗ lực học tập kinh nghiệm, đào tạo cán bộ, tiếp nhận chuyển giao công nghệ để đẩy nhanh quá trình nâng cấp và hoàn thiện hệ thống NH, đa dạng hóa nghiệp vụ và nâng cao chất lượng TDNH.

+ Với vị trí NH Thủ đô, ngành NH Hà Nội có vai trò và nhiệm vụ hết sức to lớn trong việc tạo ra những chuyển biến căn bản trong đổi mới hoạt động ngân hàng làm tiền đề và tạo đà cho sự phát triển KT - XH của Hà Nội. Đồng thời đóng vai trò đầu tàu lôi kéo và thúc đẩy sự đổi mới hệ thống NH cả nước.

**Bảng dự tính cân đối vốn đầu tư của Hà Nội**

Chỉ tiêu	ĐVT	1995-2000	2001-2010	1995-2010
1. Tổng nhu cầu đầu tư	Tỷ đồng	44.135	272.170	316.305
2. Dự báo nguồn vốn				
a) Tích lũy đầu tư từ GDP	Tỷ đồng	17.643	140.615	158.258
% so Tổng nguồn	%	39.97	51.66	50.03
- Từ ngân sách	Tỷ đồng	6.733	60.805	67.539
- Từ dân và doanh nghiệp	Tỷ đồng	10.909	79.809	90.718
b) Khả năng đáp ứng bằng tín dụng	Tỷ đồng	1.040	6.973	8.013
% so tổng nguồn	%	2.36	2.56	2.53
c) Khả năng thu hút vốn Tỉnh ngoài	Tỷ đồng			
d) Khả năng thu hút ODA	Tỷ đồng	14.672	64.444	79.116
% so tổng nguồn	%	33.24	23.68	25.01
e) Khả năng thu hút FDI	Tỷ đồng	10.845	60.147	70.993
% so tổng nguồn	%	24.57	22.10	22.44

### Chương 3

## PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CCKT TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

**3.1. Những phương hướng cơ bản trong việc phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn Hà Nội**

*3.1.1. Phải nhận thức đúng mối quan hệ kinh tế tất yếu, nội tại giữa tín dụng ngân hàng thúc đẩy chuyển dịch CCKT và sự tác động trở lại của chuyển dịch CCKT với sự phát triển của TDNH.* Trong phương hướng này, luận án nhấn mạnh hai điểm :

- Cần phân định rõ ranh giới giữa TDNH với Tài chính nhà nước trong các mối quan hệ tài chính với doanh nghiệp để xóa bỏ hoàn toàn bao cấp qua TD, đồng thời tạo điều kiện cho NHTM và các doanh nghiệp tiếp tục phát triển quan hệ TD.

- Chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH làm cho kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập dân cư tăng, mở rộng thị trường, tạo động lực và điều kiện tăng quy mô TDNH. Mặt khác, hoạt động TDNH có đi theo quỹ đạo thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH thì TDNH mới có thể phát triển mạnh và hạn chế được rủi ro.

*3.1.2. Trong quá trình huy động vốn cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn Hà nội cũng phải dựa vào nguồn vốn bên trong là chính, khai thác và sử dụng tốt nguồn vốn bên ngoài ( ở nước ngoài và các tỉnh bạn ) qua kênh TDNH.* Theo hướng này cần chú ý :

- Với nhiều giải pháp hữu hiệu và những hình thức đa dạng, TDNH phải khai thác tối đa nguồn vốn nhân rỗi trong các doanh nghiệp và dân cư, kích thích đẩy mạnh tiết kiệm, tăng tích lũy để tăng vốn đầu tư cho chuyển dịch CCKT.

- Tích cực thu hút, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bên ngoài qua kênh TDNH. Đặc biệt là phải sử dụng vốn theo những chương trình, dự án khả thi; đảm bảo có hiệu quả để khỏi rơi vào tình trạng “bị ngập” khi vốn nước ngoài vào Hà Nội một cách đôn dập.

**3.1.3. Phân định rõ lĩnh vực đầu tư của ngân sách và đầu tư của TDNH. Đồng thời kết hợp tối ưu giữa đầu tư vốn TD và vốn ngân sách vào điểm và diện đáp ứng yêu cầu chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Cụ thể là :**

- Phân định rõ lĩnh vực huy động và đầu tư để hạn chế sự chồng chéo và làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể. Đặc biệt là cần tạo điều kiện thuận lợi để TDNH thực hiện được đúng chức năng của nó trong nền KT thị trường theo định hướng XHCN, có sự điều tiết của Nhà nước.

- Kết hợp tối ưu đầu tư vốn TDNH với vốn ngân sách và các nguồn vốn khác ( đặc biệt là quỹ đầu tư ) vào điểm và diện của chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH.

Sau khi phân tích lý luận về những vấn đề trên, luận án đã đưa ra một số công trình, dự án cụ thể ( trong các khâu đột phá ) nhằm triển khai thực hiện theo định hướng này.

**3.1.4 Đa dạng hoá nguồn vốn và hình thức đầu tư TD cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH.** Luận án nhấn mạnh rằng :

- Đa dạng hóa nguồn vốn là một định hướng quan trọng để tạo vốn cho chuyển dịch CCKT, nhất là khi thị trường vốn chưa phát triển. Theo hướng này cần phải :

Tiến hành một chương trình thu hút nguồn vốn trong các tầng lớp dân cư và các doanh nghiệp tư nhân bằng cách mở nhiều loại tài khoản;

Mở rộng nhiều hình thức huy động tiền gửi tiết kiệm với nhiều mức lãi suất, nhiều thời hạn, nhiều phương thức gửi và thanh toán tiện lợi khác nhau.

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư để TDNH đáp ứng nhanh, nhạy những yêu cầu nhiều mặt của chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Theo hướng này cần phải :

Đa dạng hóa các loại cho vay cả VND và ngoại tệ với nội dung KT khác nhau, thời hạn khác nhau.

Đa dạng hóa các nghiệp vụ đầu tư và TD liên kết. Đặc biệt cần phát triển mạnh TD thuê mua; bảo lãnh cho doanh nghiệp thuê tài chính trong và ngoài nước; TD hợp vốn; đầu tư chứng khoán.

**3.1.5. Trong nghiệp vụ quản lý tài sản nợ và tài sản có của NHTM có thể dùng một phần vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn và TD thuê mua; kết hợp hữu hiệu đầu tư ngắn hạn với trung hạn và dài hạn.**

Luận án đã phân tích cơ sở lý luận thực tiễn và khả năng khống chế mặt phân tác dụng của những nghiệp vụ nêu trên để đi tới kết luận : các NHTM có thể dùng một phần nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn với tỷ lệ như sau :

- Đối với NHTM lớn ( chẳng hạn như các NHTM quốc doanh hiện nay ) tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn so với tổng nguồn vốn huy động ngắn hạn tối đa là 20%.

- Đối với NHTM trung bình và nhỏ ( chẳng hạn như các NHTM cổ phần hiện nay ) tỷ lệ này tối đa là 10%.

Nếu các NHTM thực hiện theo đúng những phương hướng nêu trên thì sẽ góp phần tích cực giúp các doanh nghiệp đổi mới thiết bị - công nghệ trong quá trình chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn Hà Nội.

Tiếp đó, luận án đã phân tích việc tính toán, dự báo về vốn TDNH tham gia trong bảng cân đối vốn đầu tư ... và chỉ ra chỗ chưa chính xác về lượng vốn TDNH tham gia đầu tư trong bảng cân đối vốn đầu tư do UBND Thành phố Hà Nội dự kiến và đưa ra cách tính theo doanh số ( không phải cách tính theo số dư ). Căn cứ vào tốc độ tăng dư nợ bình quân ( 24%/năm ) và tốc độ chu chuyển của vốn cho vay trung, dài hạn ( bình quân 4 năm/vòng ).

Luận án đưa ra dự báo về số liệu và đánh giá lại mức độ tham gia của TDNH trong bảng cân đối vốn đầu tư cho chuyển dịch CCKT của Hà Nội như sau :

**Dự báo dư nợ bình quân, doanh số cho vay trung, dài hạn  
và TD thuê mua 1996 - 2010**

	1996 - 2000	2001 - 2010	1996 - 2010
Dư nợ bình quân ( tỷ đ )	4.345	25.047	18.146
Vòng quay ( vòng )	1,25	2,5	3,75
Doanh số ( tỷ đồng )	5.432	2.618	68.050
Tỷ trọng doanh số cho vay trung, dài hạn và TD thuê mua so với tổng số vốn cung ứng cho chuyển dịch CCKT ở Hà Nội	14,5 %	23 %	21,5 %

**3.2. Những giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT trên địa bàn Hà Nội**

Tiếp tục đổi mới NH nói chung và hoạt động TDNH nói riêng là một yêu cầu cơ bản, bức xúc nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH. Nhưng mục

tiêu, bước đi, giải pháp đổi mới tổ chức bộ máy NH, cơ chế hoạt động TDNH cần được cân nhắc, đảm bảo có cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc. Cụ thể là :

### ***3.2.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy và phương thức quản lý hệ thống NH***

- Để có căn cứ vững chắc trong việc đổi mới mô hình tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động NH, đáp ứng những yêu cầu mới, Nhà nước cần sớm ban hành luật NH và các cơ chế đồng bộ để thực hiện luật NH.

- Đổi mới mô hình tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của NHNN đối với lĩnh vực tiền tệ tín dụng nói chung; hoạt động của NHTM nói riêng nhằm phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH.HĐH. Luận án nêu ra bốn điểm chủ yếu của giải pháp này và nhấn mạnh : Chi nhánh NHNN Thành phố Hà Nội cần phải đi đầu trong việc thực hiện chúng.

- Đổi mới mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của NHTM cùng các TCTD khác nhằm phát huy tối đa vai trò của TDNH trong thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Ở đây, luận án nêu ra những giải pháp về hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động kinh doanh, dịch vụ tổng hợp đa năng của NHTM; giải pháp phòng ngừa, xử lý rủi ro TD; giải pháp quản trị điều hành kinh doanh của NHTM theo hướng phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.

***3.2.2. Tăng cường sự quản lý của chi nhánh NHNN Thành phố Hà Nội đối với các NHTM, các TCTD khác trong việc đầu tư TD thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH , HĐH thông qua việc sử dụng có hiệu quả các công cụ của chính sách tiền tệ - tín dụng và các giải pháp hỗ trợ khác. Cụ thể là :***

- NHNN Thành phố Hà Nội giúp đỡ các NHTM xây dựng chiến lược kinh doanh, đưa ra định hướng đầu tư các công trình công nghiệp mũi nhọn để các NHTM lựa chọn...

- Thông qua việc sử dụng có hiệu quả những công cụ của chính sách TT - TD, NHNN Thành phố Hà Nội kích thích các NHTM trên địa bàn phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH.HĐH. Trong đó, luận án khuyến nghị trong trường hợp NHTM huy động vốn, vay vốn để đầu tư theo từng dự án, công trình trọng điểm mũi nhọn thì nên hạ thấp mức kỷ quỹ bắt buộc: không đặt hạn mức TD với cho vay trung, dài hạn...

- Yêu cầu của chuyển dịch CCKT và sự sòng phẳng của thị trường đòi hỏi việc điều hành lãi suất TD đối với nền kinh tế phải theo phương thức mới. Đó là phương pháp điều hành lãi suất TD trên cơ sở toàn diện và phương pháp không quy định biên độ. Luận án đề xuất NHNN chỉ quyết định lãi suất “đầu ra”, để cho NHTM tự quyết định lãi suất “đầu vào”, xóa bỏ quy định chênh lệch giữa lãi suất “đầu ra” với lãi suất “đầu vào” là 0,35 %/tháng như hiện nay.

- Luận án đã đề xuất một số điểm về nâng cao vai trò quản lý Nhà nước và sự hỗ trợ của chi nhánh NHNN Thành phố Hà Nội với các NHTM nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn.

**3.2.3. Phối hợp chặt chẽ hoạt động TD của các NHTM trên địa bàn trong việc cung ứng vốn cho chuyển dịch CCKT, thống nhất quy chế và mở rộng hình thức cho vay hợp vốn vào cùng một dự án.**

Sau khi phân tích tính khách quan của sự phối hợp hoạt động trong cạnh tranh của các NHTM trên địa bàn, luận án đề xuất việc thống nhất quy chế nghiệp vụ giữa các NHTM và mở rộng hình thức cho vay hợp vốn vào cùng một dự án. Như vậy sẽ giúp cho các NHTM có đủ lực về vốn, giải tỏa được quy định về mức cho vay lớn nhất với một khách hàng, đồng thời phân tán rủi ro.

**3.2.4. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả vốn trong nước, vốn ngoài nước để mở rộng đầu tư theo dự án nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH.**

Đây là một phương thức hay nhưng chưa được áp dụng rộng rãi ở Hà Nội. Luận án đề xuất hướng đầu tư theo dự án cho từng loại nguồn vốn trong nước, ngoài nước và đưa ra phương pháp “chỉ số hóa” trong quy chế huy động vốn dài hạn theo dự án nhằm khắc phục tâm lý của người có tiền không muốn gửi NH trong thời gian dài vì tính ổn định của VND chưa cao.

**3.2.5. Hoàn thiện cơ chế quản lý, quy chế và quy trình nghiệp vụ TD của NHTM nhằm phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn Hà Nội.**

Luận án đề xuất một số điểm cần chỉnh sửa, bổ sung về những quy định cụ thể trong các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ TD của NHTM. Trong đó luận án đề cập nhiều đến hình thức TD thuê mua, bảo lãnh thuê tài chính, cho vay trung, dài hạn và bảo lãnh nhập

thiết bị, công nghệ nước ngoài. NHTM có thể hùn vốn với các đơn vị thi công các Công ty tư vấn để lập Công ty liên doanh cho thuê tài chính. Mặt khác luận án cũng đề nghị nhanh chóng sửa đổi một số quy định về biện pháp đảm bảo tiền vay để NHTM và các đơn vị kinh tế có điều kiện tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ TD.

**3.2.6. Những điều kiện và giải pháp đồng bộ đảm bảo cho việc phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.**

Luận án đề xuất một số kiến nghị về phía Nhà nước cần có cơ chế và chính sách đầu tư tài chính cho thúc đẩy chuyển dịch CCKT. UBND Thành phố và các cơ quan hữu quan với tư cách là chủ thể quản lý cần phải phối hợp tổ chức triển khai tốt những cơ chế, chính sách đó và tạo môi trường kinh tế, môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy tối vai trò của TDNH trong thúc đẩy chuyển dịch CCKT; đề xuất với NHNN Thành phố Hà nội và các NHTM một số giải pháp hỗ trợ, trong đó đặc biệt là giải pháp đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ; điều chỉnh cơ chế để phát triển và hoàn thiện thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán, nhằm tối ưu hóa hoạt động TDNH.

## KẾT LUẬN

Để cho Hà Nội - Thủ đô ngàn năm văn hiến - phát triển nhanh, mạnh trên con đường đạt tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh" cần phải có sự tác động đồng bộ của nhiều nhân tố, trong đó tín dụng ngân hàng là một nhân tố quan trọng. Luận án này không có tham vọng trình bày toàn diện vai trò của TDNH đối với sự phát triển của Hà Nội mà chỉ tập trung phân tích, luận giải vai trò của TDNH trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hà Nội và những phương hướng, giải pháp trên giác độ sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH. Trên tinh thần đó, luận án đã tập trung vào những vấn đề sau :

1- Luận án đã khái quát, hệ thống hóa những căn cứ lý luận và thực tiễn khách quan, khoa học để đi tới nhận định nền kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt hiệu quả cao và bền vững phải là một nền kinh tế có cơ cấu hợp lý và có cơ sở vật chất - kỹ thuật - công nghệ tiên tiến.



Do đó tất yếu phải chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH và phát huy vai trò to lớn của TDNH trong việc thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo những định hướng đã hoạch định.

2- TDNH và cơ chế tác động của nó có vai trò to lớn trong thúc đẩy sự hình thành và phát triển xu hướng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế quốc dân nói chung, trên địa bàn Hà Nội nói riêng thông qua việc góp phần thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ trong quá trình chuyển dịch từ CCKT cũ bất hợp lý, kém hiệu quả sang CCKT mới và phát huy vai trò công cụ đòn bẩy của TDNH trong thực thi chính sách tiền tệ thúc đẩy chuyển dịch CCKT theo hướng CNH.HĐH, tập trung vào những trọng điểm đã được lựa chọn.

3. Đẩy mạnh chuyển dịch CCKT một cách toàn diện theo hướng CNH.HĐH trong chiến lược phát triển nền kinh tế mới là một trong những yêu cầu vừa cơ bản vừa cấp bách của Hà Nội hiện nay. Bởi vì thực trạng cơ cấu kinh tế của Hà Nội hiện còn mang nặng dấu ấn của cơ cấu kinh tế kém hiệu quả, kỹ thuật và công nghệ phần lớn là rất lạc hậu. Trong khi tiềm năng của Hà Nội về nhiều mặt còn rất lớn nhưng chưa được khai thác, phát huy.

4 - Hoạt động của TDNH trên địa bàn Hà Nội trong những năm qua đã có sự đổi mới mạnh mẽ và góp phần to lớn đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế của Hà Nội. Tuy vậy vẫn còn nhiều mặt hạn chế nên chưa đáp ứng nhu cầu vốn cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH... vốn tín dụng trong thời gian qua chủ yếu là vốn ngắn hạn, trong khi yêu cầu vốn cho chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH phải là vốn trung và dài hạn.

5- Hà Nội là thành phố Thủ đô. Hà Nội có lợi thế ưu trội là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - khoa học, kỹ thuật và là đầu mối giao thông của cả nước với quốc tế. Do đó, Hà Nội có nhiều ưu thế trong chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH. Sự tác động của TDNH cần phải hướng vào phát huy những ưu thế đó của Hà Nội.

6- Quan điểm và phương hướng cơ bản trong phát huy vai trò của TDNH thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH.HĐH là phải xây dựng một chiến lược vốn phù hợp với chiến lược phát triển nền kinh tế mới sao cho khai thác, phát huy có hiệu quả cả nguồn vốn trong nước và ngoài nước qua kênh TDNH. Trong đó, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn ngoài nước là rất quan trọng. Phải kết hợp tối ưu việc đầu tư hăng vốn TDNH

với vốn Ngân sách và các nguồn vốn khác vào những trọng điểm theo dự án có tác dụng đẩy nhanh chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH.

7- Dựa trên những căn cứ khoa học, thực tiễn đã được xác lập và những quan điểm, phương hướng có tính chỉ đạo, luận án đã đề xuất một cách đồng bộ những giải pháp khả thi trên góc độ chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý để có thể tiếp thu, vận dụng rộng rãi và có hiệu quả những kỹ thuật, nghiệp vụ hiện đại trong hoạt động tín dụng của NHTM như TD thuê mua, bảo lãnh... nhằm phát huy vai trò của TDNH trong đáp ứng nhu cầu vốn thúc đẩy chuyển dịch CCKT của Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.

Đề tài luận án là một vấn đề khá phức tạp cả về lý luận và thực tiễn. Luận án này chắc chắn sẽ còn những hạn chế nhất định. Tác giả hy vọng những định hướng và giải pháp nêu ra sẽ được hoàn chỉnh và vận dụng từng bước trong hoạt động quản lý kinh tế, hoạt động tín dụng ngân hàng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn Hà Nội.

**NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ  
CÓ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ.**

1. Vấn đề đầu tư cơ sở hạ tầng thành phố Hạ Long. Tạp chí Người xây dựng số 12, tháng 7/1994. (Lấy bút danh Trần Chiếu)
2. Thành viên đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ : “ Điều kiện và bước đi để hình thành thị trường chứng khoán ở Việt Nam”. Mã số B 94 - 20 - 33 nghiệm thu năm 1995.
3. Các hệ thống thanh toán ở Cộng hòa Liên Bang Đức. Tạp chí Ngân hàng số 1/1996.
4. Vấn đề đặt ra về vốn cho phát triển kinh tế tư nhân. Tạp chí Ngân hàng số 2/1996.
5. Vấn đề hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng với thanh toán quốc tế ở Việt Nam. Tạp chí Thị trường tài chính - tiền tệ số 3/1996.
6. Tín dụng Ngân hàng với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạp chí Người xây dựng số 56, tháng 4/1996.
7. Một vài suy nghĩ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tạp chí Kinh tế và dự báo số 5/1996.
8. Vai trò của tín dụng ngân hàng trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Tạp chí Giáo dục lý luận số 5/1996.
9. Một số quan điểm và giải pháp nhằm phát huy vai trò tín dụng ngân hàng trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.  
Tạp chí Thông tin khoa học ngân hàng số 9/ 1996.